

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2017
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn An Ninh

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Nguyệt

Ông Nguyễn Tất Bầy

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết, Thẩm tra viên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang: ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 03 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 07 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm 1976 (có mặt)

ĐKKHKT: Thôn KM, xã KT, LNg, tỉnh BG.

- Bị đơn: Anh Vi Văn S, sinh năm 1976 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn KM, xã KT, LNg, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 20/03/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nông Thị L, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Vi Văn S được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới ngày 12/11/1996 theo phong tục tập quán địa phương. Nhưng chị và anh S không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới chị đã về gia đình nhà anh S làm dâu ngay vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S hay uống rượu, say xỉn hay chửi mắng vợ con, không tu chí làm ăn. Đến năm 2011 chị đã bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đó sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Vi Văn S.

Về con chung: Chị và anh Vi Văn S có 02 con chung là cháu Vi Văn Kh, sinh ngày 11/6/1998 và cháu Vi Văn H, sinh ngày 22/03/2000. Hiện 02 cháu Khánh và cháu Hòa đang ở với chị. Cháu Kh đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có công việc và thu nhập còn cháu Hòa chị đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của cháu muốn ở với ai. Trường hợp cháu muốn ở với chị, chị sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, ghi ngày 18/4/2017 anh Vi Văn S, trình bày: Anh và chị Nông Thị L, kết hôn với nhau ngày 12/11/1996 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trước khi kết hôn anh và chị L được sự giới thiệu của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi cưới chị L đã về gia đình anh làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp với nhau. Đến năm 2011 chị L đã bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở anh và chị L cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ với nhau. Nếu chị L kiên quyết ly hôn anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nông Thị L có 02 con chung là cháu Vi Văn Kh, sinh ngày 11/6/1998 và cháu Vi Văn H, sinh ngày 22/03/2000. Cháu Khánh đã trưởng thành. Trường hợp vợ chồng không chung sống với nhau thì anh đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của cháu H. Nếu cháu H ở với anh, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn chị Nông Thị L đã chấp hành tốt về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Vi Văn S không chấp hành tốt không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; khoản 2 Điều 53. Xử, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị L và anh Vi Văn S.

Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho chị Nông Thị L nuôi dưỡng cháu Vi Văn H, sinh ngày 22/03/2000. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Vi Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Vi Văn S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và Vi Văn S được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới ngày 12/11/1996 theo phong tục tập quán địa phương. Nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới chị đã về gia đình nhà anh S làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S hay uống rượu, say xỉn hay chửi mắng vợ con, không tu chí làm ăn. Đến năm 2011 chị L đó bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng đó sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống với nhau cho đến nay chị L và anh S không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên HĐXX xét thấy căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị L và anh Vi Văn S.

Về con chung: Chị Nông Thị L và anh Vi Văn S có 02 con chung là cháu Vi Văn Kh, sinh ngày 11/6/1998 và cháu Vi Văn H, sinh ngày 22/03/2000 cháu Kh đã trưởng thành cho nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết, đối với cháu H cần xem xét theo nguyện vọng của cháu cũng như ý kiến của chị L và anh S HĐXX xét thấy cần phải giao cháu H cho chị Nông Thị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con cho nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nông Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nông Thị L và anh Vi Văn S.

Về con chung: Giao cháu Vi Văn H, sinh ngày 22/03/2000 cho chị Nông Thị L nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2015/0000843 ngày 27/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ.

Chị Nông Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vi Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã KTh, huyện LNg;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn An Ninh

